

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH KHÁNH HÒA**



QUY TRÌNH

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI
CỦA DOANH NGHIỆP KHÔNG ĐƯỢC CHÍNH PHỦ
BẢO LÃNH
(8.1, 8.2, 8.5: ISO 9001:2015)**

Mã hiệu: **QT.CN42.NH.07**

Lần ban hành: **01/01**

Ngày ban hành: **25/11/2022**

NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Ký hiệu: QT.CN42.NH.07
	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Lần ban hành: 01/01
		Ngày ban hành: 25/11/2022
		Trang/ Tổng trang: 1/12

TÀI LIỆU NÀY PHẢI ĐƯỢC PHÂN PHỐI ĐẾN				
Giám đốc	<input checked="" type="checkbox"/>	Thư ký ISO	<input checked="" type="checkbox"/>	
Các Phó Giám đốc	<input checked="" type="checkbox"/>	Thanh tra Giám sát Ngân hàng	<input checked="" type="checkbox"/>	
Phòng Tổng hợp, nhân sự và KSNB	<input checked="" type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>
Phòng Tiền tệ, kho quỹ và Hành chính	<input checked="" type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>
Phòng Kế toán - Thanh toán	<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>
SỬA ĐỔI TÀI LIỆU				
Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang/Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi
Sửa đổi	Trang 2	Cơ sở pháp lý	Sửa đổi lần 1	25/11/2022
Sửa đổi	Trang 3	Mục 5.2 Điều kiện thực hiện TTHC	Sửa đổi lần 1	25/11/2022
Sửa đổi	Trang 3	Mục 5.3 Đối tượng thực hiện đăng ký khoản vay	Sửa đổi lần 1	25/11/2022
Sửa đổi	Trang 4,5,6	Mục 5.4 Thành phần hồ sơ	Sửa đổi lần 1	25/11/2022

Trách nhiệm	Biên soạn	Kiểm tra	Phê duyệt
Họ và tên	Lê Thị Kim Hương	Võ Quang Hòa	Đỗ Trọng Thảo Thảo
Chức danh	Chuyên viên	Trưởng phòng THNS&KSNB	Phó Giám đốc
Chữ ký			

1. MỤC ĐÍCH

NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Ký hiệu: QT.CN42.NH.07
	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Lần ban hành: 01/01
		Ngày ban hành: 25/11/2022
		Trang/ Tổng trang: 2/12

Quy định trình tự, trách nhiệm và phương pháp tiếp nhận, giải quyết hồ sơ liên quan đề nghị đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và đúng quy định pháp luật.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với doanh nghiệp có nhu cầu xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh có kim ngạch vay đến 10 triệu USD (hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương), gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức tín dụng (trừ các ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ) và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Phòng THNS&KSNB, các phòng, bộ phận có liên quan trực thuộc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát thủ tục này.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.
- Các văn bản pháp luật liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- NHNN Chi nhánh: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa
- THNS&KSNB: Tổng hợp nhân sự và kiểm soát nội bộ
- TTKQ&HC: Tiền tệ Kho quỹ và Hành chính
- TTHC: Thủ tục hành chính
- NHNN: Ngân hàng Nhà nước
- BPMC: Bộ phận một cửa NHNN Chi nhánh

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh; - Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối; - Thông tư 12/2014/TT-NHNN ngày 31/3/2014 của NHNN Việt Nam quy định về điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh; - <i>Thông tư số 12/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 của NHNN Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.</i> - <i>Quyết định số 1826/QĐ-NHNN ngày 26/10/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động ngoại hối thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của NHNN Việt Nam.</i> - Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một

NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Ký hiệu: QT.CN42.NH.07
	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Lần ban hành: 01/01
		Ngày ban hành: 25/11/2022
		Trang/ Tổng trang: 3/12

	<p>cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>- Quyết định 2412/QĐ-NHNN ngày 18/11/2019 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính của Ngân hàng Nhà nước.</p>
5.2	Điều kiện thủ tục hành chính
	<p>Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày:</p> <p>a) Các bên ký thỏa thuận thay đổi hoặc trước thời điểm thực hiện nội dung thay đổi (đối với trường hợp nội dung thay đổi không cần ký thỏa thuận thay đổi song vẫn đảm bảo phù hợp với thỏa thuận vay nước ngoài);</p> <p>b) Tổ chức kế thừa nghĩa vụ trả nợ khoản vay nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc ngày các bên ký thỏa thuận về việc thay đổi bên đi vay trong trường hợp bên đi vay ban đầu bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập (tùy thuộc ngày nào đến sau) và trước khi tiếp tục rút vốn, trả nợ khoản vay nước ngoài;</p> <p>c) Bên đi vay hoàn thành việc cập nhật thông tin thay đổi tên và/hoặc thay đổi địa chỉ chuyển trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>d) Bên cho vay (hoặc tổ chức đại diện bên cho vay trong khoản vay hợp vốn – nếu có), bên bảo đảm, bên bảo lãnh hoặc các bên liên quan khác được nêu tại văn bản xác nhận đăng ký, văn bản xác nhận đăng ký thay đổi gửi văn bản thông báo cho bên đi vay về việc đổi tên và trước khi thực hiện các giao dịch chuyên tiền liên quan đến các bên này.</p>
5.3	Đối tượng thực hiện đăng ký thay đổi khoản vay
<i>1</i>	<i>Bên đi vay ký kết thỏa thuận vay nước ngoài với bên cho vay là người không cư trú</i>
<i>2</i>	<i>Tổ chức chịu trách nhiệm trả nợ trực tiếp cho bên ủy thác trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký hợp đồng nhận ủy thác cho vay lại với bên ủy thác là người không cư trú</i>
<i>3</i>	<i>Bên đi thuê trong hợp đồng cho thuê tài chính với bên cho thuê là người không cư trú</i>

NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Ký hiệu: QT.CN42.NH.07
	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Lần ban hành: 01/01
		Ngày ban hành: 25/11/2022
		Trang/ Tổng trang: 4/12

4	<i>Tổ chức kế thừa nghĩa vụ trả nợ khoản vay nước ngoài thuộc đối tượng đăng ký, đăng ký thay đổi theo quy định tại Thông tư này trong trường hợp bên đi vay đang thực hiện khoản vay nước ngoài thì thực hiện chia, tách, hợp nhất hoặc sáp nhập</i>		
5.4	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	+ Đơn đăng ký thay đổi khoản vay (trường hợp Bên đi vay lựa chọn hình thức truyền thống).(Phuluc.CN42.NH.07.01); hoặc + Đơn in từ Trang điện tử tại địa chỉ www.sbv.gov.vn hoặc www.qlnh-sbv.cic.org.vn , ký và đóng dấu (trường hợp Bên đi vay lựa chọn hình thức trực tuyến).	x	
2	Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của bên đi vay) các thỏa thuận thay đổi liên quan đến nội dung bên đi vay đăng ký thay đổi.	x (hoặc)	x
3	Bản sao (có xác nhận của Bên đi vay) văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp về việc chấp thuận thay đổi phương án vay nước ngoài của bên đi vay là doanh nghiệp nhà nước đối với trường hợp thay đổi tăng số tiền vay hoặc kéo dài thời hạn vay (không áp dụng đối với khoản vay của ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước là cơ quan đại diện chủ sở hữu và đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, chấp thuận theo quy định về quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp).	x (hoặc)	x
4	Đối với trường hợp thay đổi tăng số tiền vay, thay đổi mục đích sử dụng khoản vay đối với phần tiền vay chưa thực hiện: Bản sao (có xác nhận của Bên đi vay) hoặc bản chính văn bản chứng minh Mục đích vay bao gồm: a) Đối với khoản vay để thực hiện dự án đầu tư: Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;	x (hoặc)	x

NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Ký hiệu: QT.CN42.NH.07
	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Lần ban hành: 01/01
		Ngày ban hành: 25/11/2022
		Trang/ Tổng trang: 5/12

	<p>b) Đối với khoản vay thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh khác không phải dự án đầu tư: Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và điều lệ doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và điều lệ hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;</p> <p>c) Đối với khoản vay để cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài của bên đi vay: Phương án cơ cấu lại các khoản nợ nước ngoài của bên đi vay được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và điều lệ hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;</p> <p>d) Đối với khoản vay quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Thông tư 12/2022/TT-NHNN: Báo cáo việc sử dụng khoản vay nước ngoài ngắn hạn ban đầu đáp ứng quy định về điều kiện vay nước ngoài ngắn hạn (kèm theo các tài liệu chứng minh như phương án sử dụng vốn vay nước ngoài của bên đi vay, phương án cơ cấu khoản nợ nước ngoài);</p>		
5	<p>Đối với trường hợp Bên đi vay là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tăng số tiền vay vay nước ngoài:</p> <p>Báo cáo việc tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định về điều kiện vay nước ngoài tự vay, tự trả tại thời điểm cuối 03 tháng gần nhất trước ngày ký thỏa thuận vay đến thời điểm cuối tháng gần nhất trước thời điểm gửi đầy đủ hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc văn bản chứng minh việc chưa tuân thủ các quy định của pháp luật về giới hạn cấp tín dụng và các tỷ lệ bảo đảm an toàn đã được Thủ tướng Chính phủ hoặc Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quy định của pháp luật (nếu có) đối với bên đi vay là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	x	x (hoặc)

NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Ký hiệu: QT.CN42.NH.07
	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Lần ban hành: 01/01
		Ngày ban hành: 25/11/2022
		Trang/ Tổng trang: 6/12

6	<p>Văn bản xác nhận của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản về tình hình rút vốn, trả nợ (gốc và lãi) đến thời điểm đăng ký thay đổi khoản vay đối với trường hợp đăng ký thay đổi số tiền vay, kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ hoặc ngân hàng thương mại cung ứng dịch vụ tài khoản.</p> <p>Trường hợp bên đi vay không thể cung cấp được xác nhận của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản theo quy định tại khoản này do ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản đã đóng cửa, tạm dừng hoạt động trước khi bên đi vay thay đổi sang ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản khác và/hoặc việc rút vốn, trả nợ khoản vay nước ngoài thuộc các trường hợp rút vốn, trả nợ không phải thực hiện qua tài khoản vay, trả nợ nước ngoài theo quy định tại Điều 34 Thông tư 12/2022/TT-NHNN, bên đi vay lựa chọn cung cấp các tài liệu khác chứng minh tình hình rút vốn, trả nợ khoản vay như sau: bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét có thông tin chứng minh bên đi vay đã tiếp nhận khoản vay, dư nợ đến thời điểm đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài; bản sao và bản dịch tiếng Việt văn bản xác nhận của ngân hàng thương mại ở nước ngoài nơi bên đi vay mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện rút vốn, trả nợ khoản vay; bản sao và bản dịch tiếng Việt thư xác nhận của ngân hàng ở nước ngoài về số tiền bên cho vay đã thanh toán trực tiếp cho người thụ hưởng là người không cư trú cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ với người cư trú là bên đi vay.</p>	X	X (hoặc)
5.5	Số lượng hồ sơ: 1 bộ		
5.6	Thời gian giải quyết		
	+ 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên đi vay trong trường hợp Bên đi vay không khai báo thông tin khoản vay trên Trang điện tử;		
	+ 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên đi vay trong trường hợp Bên đi vay đã khai báo thông tin khoản vay trên Trang điện tử.		
5.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	BPMC		

NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Ký hiệu: QT.CN42.NH.07
	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Lần ban hành: 01/01
		Ngày ban hành: 25/11/2022
		Trang/ Tổng trang: 7/12

5.8	Lệ phí: Không			
5.9	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<p>Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của Bên đi vay.</p> <p>a) Trường hợp tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu điện: Văn thư lấy số, đăng ký trên phần mềm edoc, trình Giám đốc bút phê trực tiếp (scan bản có bút phê vào edoc), sau đó chuyển đến công chức giải quyết TTHC.</p> <p>b) Trường hợp đơn vị nộp hồ sơ trực tiếp không cần tư vấn: Công chức BPMC lập Giấy biên nhận, chuyển hồ sơ cho Văn thư để lấy số đăng ký trên phần mềm edoc, trình Giám đốc bút phê trực tiếp (scan bản có bút phê vào edoc). Văn thư chuyển đến công chức giải quyết TTHC.</p> <p>c) Trường hợp đơn vị nộp hồ sơ trực tiếp cần tư vấn, hướng dẫn trực tiếp: công chức BPMC thông báo cho Công chức giải quyết TTHC đến BPMC để phối hợp.</p>	<p>Bên đi vay</p> <p>Văn thư</p> <p>BPMC</p>	<p>Giờ hành chính</p>	<p>Theo mục 5.3</p> <p>Mẫu 02: Giấy biên nhận hồ sơ</p>
B2	<p>Kiểm tra hồ sơ</p> <p>a) Trường hợp tư vấn, hướng dẫn trực tiếp đơn vị tại Bộ phận một cửa: Công chức giải quyết TTHC xem xét tính hợp lệ và đầy đủ</p>	<p>Công chức giải quyết TTHC</p>	<p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ Văn thư</p>	<p>Mẫu 03: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả</p> <p>Mẫu 07: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p>

NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Ký hiệu: QT.CN42.NH.07
	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Lần ban hành: 01/01
		Ngày ban hành: 25/11/2022
		Trang/ Tổng trang: 8/12

<p>theo mục 5.2 của hồ sơ:</p> <p>+ Nếu đầy đủ, lập Giấy tiếp nhận và hẹn ngày trả hồ sơ, cập nhật sổ theo dõi và chuyển Văn thư lấy số, đăng ký trên phần mềm edoc, trình Giám đốc bút phê trực tiếp kèm Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;</p> <p>+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc cần điều chỉnh mở Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ. Sau khi đơn vị bổ sung đầy đủ hồ sơ thì lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh mở Phiếu từ chối tiếp nhận hồ;</p> <p>b) Trường hợp nhận hồ sơ từ văn thư:</p> <p>+ Nếu đầy đủ, lập Giấy tiếp nhận và hẹn ngày trả hồ sơ, cập nhật sổ theo dõi và chuyển BPMC cập nhật thời hạn xử lý hồ sơ trên edoc;</p> <p>+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc cần điều chỉnh mở Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ. Sau khi đơn vị bổ sung đầy đủ hồ sơ thì lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh mở Phiếu từ</p>	<p>hoặc BPMC</p>	<p>Mẫu 08: Sổ theo dõi hồ sơ</p> <p>Mẫu 04: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>Mẫu 05: Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ</p>
---	------------------	--

NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Ký hiệu: QT.CN42.NH.07
	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Lần ban hành: 01/01
		Ngày ban hành: 25/11/2022
		Trang/ Tổng trang: 9/12

	chối tiếp nhận hồ sơ (quy trình kết thúc);			
B3	<p>Thẩm định hồ sơ</p> <p>1. Nội dung thẩm định:</p> <p>a) Tính hợp pháp của hồ sơ;</p> <p>b) Căn cứ thẩm định: theo Mục 5.1 Cơ sở pháp lý.</p> <p>2. Xử lý kết quả thẩm định</p> <p>a) Trường hợp từ chối do hồ sơ không đủ điều kiện hoặc cần giải trình, bổ sung, xin ý kiến của các đơn vị khác (nếu có); lập văn bản xin ý kiến (nếu có), lập văn bản thông báo cho doanh nghiệp nêu rõ lý do.</p> <p>Ngoài ra, đối với khoản vay đăng ký trực tuyến không đáp ứng yêu cầu, cập nhật Trang điện tử, chọn "Không kiểm soát" khoản vay</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lập tờ trình và dự thảo văn bản xác nhận trình lãnh đạo Phòng, thực hiện bước tiếp theo (B4).</p> <p>c) Trường hợp phát hiện dấu hiệu VPHC cần chuyển hồ sơ đến Phòng Thanh tra, giám sát (theo chỉ đạo của Lãnh đạo phòng): lập tờ trình và dự thảo văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết.</p>	Công chức giải quyết TTHC	<p>06 ngày (hình thức trực tuyến)</p> <p>09 ngày (hình thức truyền thống)</p>	<p>- Dự thảo tờ trình, trong các trường hợp:</p> <p>+ Chấp thuận (văn bản xác nhận tham khảo Mục 7)</p> <p>+ Chuyển hồ sơ VPHC</p> <p>- Công văn thông báo, xin ý kiến trong các trường hợp:</p> <p>+ Từ chối</p> <p>+ Giải trình, bổ sung hồ sơ.</p> <p>+ Chuyển hồ sơ VPHC</p> <p>+ Gửi các đơn vị có liên quan khác.</p>
B4	<p>Kiểm tra nội dung dự thảo văn bản</p> <p>- Nếu văn bản đạt yêu cầu:</p>	Lãnh đạo phòng THNS&KSNB	03 ngày làm việc	

NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Ký hiệu: QT.CN42.NH.07
	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Lần ban hành: 01/01
		Ngày ban hành: 25/11/2022
		Trang/ Tổng trang: 10/12

	Lãnh đạo phòng ký xác nhận tờ trình và ký nháy văn bản, chuyển Phòng TTKQ&HC duyệt thể thức văn bản, chuyển sang B5. - Nếu văn bản không đạt yêu cầu thì chuyển trả lại công chức để sửa văn bản theo B3.	Lãnh đạo phòng TTKQ&HC		
B5	<p>Phê duyệt Quyết định chấp thuận hoặc công văn thông báo</p> <p>Nếu đồng ý: Ký phê duyệt Quyết định chấp thuận hoặc Công văn thông báo;</p> <p>- Nếu không đồng ý: có thể sửa trực tiếp lên văn bản và chuyển cho đơn vị soạn thảo hoàn thiện (quay lại bước 3,4)</p> <p>- Đối với trường hợp hồ sơ VPHC chuyển Phòng Thanh tra, giám sát (nếu có): Lãnh đạo Chi nhánh duyệt Tờ trình, văn bản thông báo và chuyển chuyên viên Phòng THNS&KSNB lập Phiếu chuyển hồ sơ gửi Phòng Thanh tra, giám sát (Kết thúc quy trình).</p> <p>Sau khi nhận kết quả xử lý từ Phòng Thanh tra, giám sát, tiếp tục xử lý hồ sơ từ B3.</p> <p><i>Ghi chú:</i> Trường hợp hồ sơ bị chậm muộn, phòng THNS&KSNB có trách nhiệm mở phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả để</p>	<p>Lãnh đạo Chi nhánh</p> <p>Công chức giải quyết TTHC</p>	02 ngày làm việc	<p>Văn bản xác nhận được lãnh đạo Chi nhánh ký duyệt</p> <p>Mẫu 06: Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả lại kết quả</p>

NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH		Ký hiệu: QT.CN42.NH.07
	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh		Lần ban hành: 01/01
			Ngày ban hành: 25/11/2022
			Trang/ Tổng trang: 11/12

	thông tin đến TCKT.			
B6	Lấy số, vào sổ, nhân bản, đóng dấu, nhập vào phần mềm rồi gửi văn bản đi (hoặc trực tiếp trả kết quả cho tổ chức, cá nhân), đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định Trường hợp từ chối cấp phép, hoặc Bên đi vay không nộp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu bổ sung thì công chức giải quyết TTHC chuyển hồ sơ cho BPMC để trả cho Bên đi vay.	- BPMC (hoặc Văn thư) - Phòng THNS&KSNB	Sau tiếp nhận văn bản	Văn bản xác nhận được vào sổ, đóng dấu, phát hành Mẫu 09: Phiếu trả hồ sơ
<i>Ghi chú:</i> Các mẫu (02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09) theo phụ lục I, Quyết định 2412/QĐ-NHNN ngày 18/11/2019 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam				

6. BIỂU MẪU

TT	Tên phụ lục	Mã hiệu
1	Mẫu đơn đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Phụ lục.CN42.NH.07.01
2	Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay trả nước ngoài	Phụ lục.CN42.NH.07.02

NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Ký hiệu: QT.CN42.NH.07
	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Lần ban hành: 01/01
		Ngày ban hành: 25/11/2022
		Trang/ Tổng trang: 12/12

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Tên hồ sơ	Mã hiệu	Nơi lưu	Thời gian lưu
1	Bộ hồ sơ hợp lệ đã thẩm định	Theo mục 5.3	Kho lưu trữ cơ quan	Theo quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hiện hành của NHNN
2	Văn bản xác nhận	Số, ngày phát hành	Kho lưu trữ cơ quan	
3	Giấy biên nhận hồ sơ	Mẫu 02	Như trên	
4	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	Mẫu 03	Như trên	
5	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	Mẫu 04	Như trên	
6	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ	Mẫu 05	Như trên	
7	Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả lại kết quả	Mẫu 06	Như trên	
8	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	Mẫu 07	Như trên	
9	Sổ theo dõi hồ sơ	Mẫu 08	Như trên	
10	Phiếu trả hồ sơ	Mẫu 09	Như trên	